

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 7 - 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Toàn**.
2. Ông **Nguyễn Thanh Dũng**.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thúy H**, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn CA, xã MC, huyện PM, tỉnh BĐ.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 113, TTD, ấp 5, xã ĐT, huyện HM, Thành phố HCM.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Quý B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 20/32, tổ 4, ấp 4, xã PĐ, huyện TP, ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị H(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt), anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của chị Trần Thị Thúy H thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Quý B tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2013. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, anh B còn thường xuyên nhậu nhẹt và có hành vi bạo hành gia đình nên vợ chồng thường xuyên lục đục, cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quý B.

Về con chung: Chị và anh B chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo lời trình bày của anh Ngô Quý B thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2013. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên lục đục, cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do anh vẫn còn thương vợ nên muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

- + 01 (một) CMND của chị H (Bản sao);
- + 01 (một) Sổ hộ khẩu của chị H (Bản sao);
- + 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- + 01 (một) Đơn xin xác nhận Hộ khẩu thường trú của anh B (bản chính).

- Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh của ông Nguyễn NS và ông Ngô VT.

Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh B.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không có con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H, anh B kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Chị H, anh B kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt do chị có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần hai nên anh chị không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

Anh Ngô Quý B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã PD, huyện TP, ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 27/3/2019 chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh B là bị đơn trong vụ án.

- Chị H do bận công việc nên việc đi lại tham gia phiên tòa xét xử gặp khó khăn. Do đó, chị H đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của chị H về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, anh B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị H:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị H, anh B được xác lập vào năm 2013, hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Phú Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2013. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Xét lời khai của chị H, anh B và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng anh chị không còn sự tin tưởng và thông cảm cho nhau. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, lục đục. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân nhau. Thời gian ly thân chị H không qua lại để hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị H không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh B vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là cho chị được ly hôn với anh Ngô Quý B là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh B kê khai chưa có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh B kê khai không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006092 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy H được ly hôn anh Ngô Quý B.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006092 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 77/2013, quyền số 01/2013 ngày 07/11/2013);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

